

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-ST

Ngày: 31/10/2019

“V/v: Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Tường Vy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Hùng;
2. Ông Trương Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Thái Học – Thư ký TAND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 61/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2019/QĐST-DS ngày 11/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm: 1950; HKTT: số 01, ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đ. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: ông Trịnh Văn V, sinh năm: 1973 và bà Bùi Thị Q, sinh năm: 1972; HKTT: ấp 10, xã S, huyện C, tỉnh Đ. *(Vắng mặt)*

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: bà Đỗ Thị L, sinh năm: 1958; HKTT: số 01, ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đ. *(Vắng mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm: 1950; HKTT: số 01, ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đ. (theo Văn bản ủy quyền ký ngày 23/8/2019) *(Có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2018, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là Nguyễn Hoàng D trình bày:

Do quen biết nhau nên vợ chồng ông có cho vợ chồng ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q vay tổng số tiền là 580.000.000 đồng. Việc vay tiền chia làm nhiều lần cụ thể như sau:

- Lần thứ 1 vào ngày 16/7/2013 (âm lịch) số tiền vay là 170.000.000 đồng;
- Lần thứ 2 vào ngày 22/7/2013 (âm lịch) số tiền vay là 130.000.000 đồng;

- Lần thứ 3 vào ngày 14/9/2013 (âm lịch) số tiền vay là 130.000.000 đồng;
- Lần thứ 4 vào ngày 07/12/2013 (âm lịch) số tiền vay là 70.000.000 đồng;
- Lần thứ 5 vào ngày 29/02/2014 (âm lịch) số tiền vay là 80.000.000 đồng.

Tổng 5 lần vay với số tiền gốc là 580.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Các lần vay ông V đều viết giấy ký nhận tiền nợ, có lần bà Q cũng ký vào giấy vay, 2 bên thỏa thuận việc trả lãi là 3 tháng ông V, bà Q sẽ trả lãi 1 lần. Khi vay số tiền lần đầu vào ngày 16/7/2013, vợ chồng ông V, bà Q có ghi giấy cầm cố diện tích đất 3.400m<sup>2</sup> tại tổ 5, ấp 10, S cho vợ chồng ông và cho bà Đỗ Thị X (vì bà X cũng cho ông V, bà Q vay tiền, vì bà X là em của vợ ông D nên khi ghi giấy nợ thì ông V ghi chung 1 tờ giấy). Nay ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông V, bà Q trả cho vợ chồng ông số tiền nợ gốc là 580.000.000 đồng.

Trong quá trình vay, thì ông V đã trả được 4 lần tiền lãi, với tổng số tiền là 48.300.000 đồng, lần trả lãi cuối cùng của vợ chồng ông V trả lãi là vào ngày 25/10/2014 (âm lịch) tức ngày 16/12/2014 (dương lịch). Trong quá trình chuẩn bị xét xử thì ông D yêu cầu vợ chồng ông V, bà Q trả lãi suất với mức là 1,7%/tháng tính từ ngày 25/10/2014 (AL), tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông yêu cầu cầu vợ chồng ông V, bà Q trả cho ông với mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định tính từ ngày 25/10/2014 (âm lịch) tức ngày 16/12/2014 (dương lịch) cho đến khi thi hành án xong. Ngoài ra, ông D còn yêu cầu ông V, bà Q phải trả cho vợ chồng ông số tiền 4.800.000 đồng mà ông đã nộp tạm ứng chi phí cho việc yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông V trong giấy vay nợ.

\* Bị đơn là ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để làm việc nhưng ông bà có tình vắng mặt nên không có lời khai.

\* Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị L do ông Nguyễn Hoàng D đại diện theo ủy quyền trình bày: bà L thống nhất lời trình bày của ông D, yêu cầu vợ chồng ông V, bà Q trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 580.000.000 đồng và lãi suất là theo quy định pháp luật.

\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ: Việc thụ lý, thu thập chứng cứ là đúng trình tự pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án ra Quyết định tạm đình chỉ khi vụ án đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử. Vì vậy đề nghị Tòa án cần khắc phục những vi phạm trên.

Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, thư ký, nguyên đơn tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định pháp luật, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên tòa là không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông V, bà Q trả số tiền nợ gốc cho ông Nguyễn Hoàng D và bà Đỗ Thị L và lãi suất theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng D trình bày, bà có cho vợ chồng ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q vay số tiền 580.000.000 đồng, do vợ chồng ông V không trả tiền theo thỏa thuận nên ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông V, bà Q trả tiền. Như vậy, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự” mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Theo biên bản xác minh của Tòa án ngày 16/11/2018 tại công an xã S (BL 21) thì ông V, bà Q có hộ khẩu thường trú tại ấp 10, xã S, huyện C, tỉnh Đ. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Bà Đỗ Thị L đã ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng D đại diện tham gia vụ án. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà Q và bà L là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét lời trình bày của các đương sự nhận thấy: Mặc dù không có lời khai của bị đơn nhưng trong quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn có cung cấp giấy vay tiền thể hiện đầy đủ số lần ông V, bà Q đã vay và 01 giấy cầm cố thể hiện nội dung ông V cầm cố thửa đất 3.400m<sup>2</sup> cho ông D và bà X (tại BL 40-41). Và Tòa án đã đề nghị Phân viện Khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh tiến hành giám định mẫu chữ viết và chữ ký trong giấy cầm cố và giấy vay do ông D cung cấp (BL 40 – 41) so với các chữ ký và chữ viết của ông Trịnh Văn V trong hồ sơ vụ án trước đây mà ông V làm bị đơn mà Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ đã giải quyết (BL 34 đến 39). Theo kết luận giám định số 2340/C09B ngày 01/7/2019 của Phân viện KHHS Tp. Hồ Chí Minh kết luận chữ ký và chữ viết trong giấy cầm cố, giấy vay do ông D cung cấp so với chữ ký, chữ viết tại các bản tự khai trong vụ án do Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ cung cấp là do cùng một người ký và viết ra.

Với chứng cứ trên đã đủ cơ sở chứng minh ông V có vay của ông D số tiền 580.000.000 đồng.

Mặc dù, Tòa án không thu thập được giấy chứng nhận kết hôn của ông V, bà Q. Tuy nhiên, theo Sổ hộ khẩu Tòa án thu thập được thể hiện ông V, bà Q có quan hệ vợ chồng, có con lớn nhất sinh năm 1993 và hiện vẫn còn đang chung sống với nhau. Như vậy xét thấy đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông V, bà Q nên cần buộc cả ông V, bà Q phải trả số tiền trên cho ông D và bà L.

Về mức lãi suất ông D yêu cầu tính theo quy định pháp luật đối với số nợ gốc từ thời điểm 25/10/2014 (âm lịch) tức ngày 16/12/2014 (dương lịch) tính đến nay là 4 năm 10 tháng 15 ngày, tức 58 tháng 15 ngày, ông D đề nghị làm tròn là 58 tháng. Hội đồng xét xử chấp nhận như sau: theo hợp đồng vay thì các bên vay vào tháng 7/2013 kết thúc vay là tháng 2/2014, như vậy pháp luật được áp dụng để giải quyết tranh chấp là theo quy định Bộ luật dân sự 2005. Và theo quy định tại khoản 1 Điều 476 BLDS 2005 “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng” Và theo quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân

hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm. Vì vậy, do 2 bên có thỏa thuận lãi suất nhưng vượt quá mức lãi suất theo quy định nên Tòa án chỉ chấp nhận mức lãi suất là 150% mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 9%. Tức mức lãi suất chấp nhận là  $150 \times 9\% = 13,5\%/năm = 1,125\%/tháng$ .

Nên số tiền lãi buộc ông V, bà Q phải trả cho ông D, bà L là  $580.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% = 6.525.000 \text{ đồng} \times 58 \text{ tháng} = 378.450.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền nợ gốc và lãi ông V, bà Q phải trả cho vợ chồng ông D, bà L là  $580.000.000 \text{ đồng} + 378.450.000 \text{ đồng} = 958.450.000 \text{ đồng}$ .

[4] Về chi phí tố tụng: Do ông V, bà Q không ra Tòa án làm việc nên để có cơ sở chứng minh chữ ký, chữ viết trong giấy vay là chữ của ông V, nên ông D yêu cầu giám định. Và kết quả giám định thể hiện yêu cầu của ông D là có cơ sở. Căn cứ khoản 2 Điều 161 BLTTDS, thì người phải chịu chi phí giám định là người không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định của đương sự khác trong vụ án, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người yêu cầu giám định là có căn cứ. Vì vậy, buộc ông V, bà Q phải trả cho ông Dân số tiền giám định chữ ký là 4.800.000 đồng là phù hợp.

[5] Về án phí: Ông V, bà Q phải nộp án phí trên tổng số tiền nợ gốc và lãi trả cho ông Dân là  $958.450.000 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng} + (158.450.000 \text{ đồng} \times 3\% = 4.753.500 \text{ đồng}) = 40.753.500 \text{ đồng}$ .

\* Về quan điểm của VKSND huyện Cẩm Mỹ phù hợp với quy định pháp luật và quan điểm của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 161, 227, 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **\* Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng D.

- Buộc ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q trả cho ông Nguyễn Hoàng D và bà Đỗ Thị L số tiền nợ gốc là 580.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi suất là 378.450.000 đồng (Ba trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất bằng 1,125%/tháng tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chậm trả.

- Buộc ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q trả cho ông Nguyễn Hoàng D và bà Đỗ Thị L số tiền chi phí giám định là 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

2/ Về án phí:

- Buộc ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q phải nộp số tiền 40.753.500 đồng (Bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng) án phí DSST.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng D số tiền 22.329.000 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp tại Biên lai thu tiền số 004510 ngày 05/10/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được 15 ngày kháng cáo bản án, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Tường Vy**